# KERAPOXY

**Keo chà ron gốc epoxy hai thành phần (có sẵn 17 màu), có khả năng chống axít cho các mạch ron có độ rộng ít nhất là 1 mm. Sản phẩm có thể được dùng như keo dán gạch**






## PHÂN LOẠI THEO TIÊU CHUẨN EN 13888

**Kerapoxy** là keo chà ron (G) gốc nhựa (R) loại RG.

## PHÂN LOẠI THEO TIÊU CHUẨN EN 12004

**Kerapoxy** là keo dán gạch gốc nhựa phản ứng (R) cải tiến (2), chống trượt (T) loại R2T.
***Kerapoxy*** *đạt chứng nhận TT số 25040322/Gi (TUM) của phòng thí nghiệm Đại học Kỹ thuật Munich (Đức) và số 2008-B-2748/7.1, 2008-B-2748/8.1 và 2008-B-2748/9.1 do Viện MPA Dresden (Đức) cấp.*

## PHẠM VI SỬ DỤNG

Dùng chà ron cho sàn, tường gạch ceramic và đá tự nhiên ở khu vực trong nhà và ngoài trời. Sản phẩm có thể dùng như keo dán gạch chống axít và có khả năng đóng rắn nhanh cho gạch ceramic, vật liệu đá, tấm xi măng sợi, bê tông và và các vật liệu xây dựng khác trên hầu hết các bề mặt thường dùng trong xây dựng. **Kerapoxy** giúp tạo ra sàn, tường, bệ bếp, v.v, phù hợp tiêu chuẩn HACCP và các yêu cầu trong quy định EC số 852/2004 về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

### Một số ứng dụng điển hình

- Dùng chà ron cho sàn và tường tại các nhà máy chế biến thực phẩm (như nhà máy sản xuất bơ sữa, lò mổ, nhà máy bia, nhà máy rượu, nhà máy chế biến thức ăn, v.v), các cửa hàng và khu vực yêu cầu có vệ sinh cao (cửa hàng bán kem, cửa hàng thịt, cửa hàng bán cá, v.v).
- Dùng chà ron cho tường và sàn công nghiệp (ở nhà máy điện, nhà máy giày da, nhà máy giấy, v.v), nơi có yêu cầu chống tác động cơ học cao và chịu sự tác động của axít.
- Dùng chà ron cho bể bơi; đặc biệt phù hợp cho bể chứa nước nóng và nước mặn.
- Dùng chà ron cho bể chứa các loại hóa chất gây ăn mòn (nhà máy lọc nước, v.v).
- Dùng chà ron cho ghế băng trong phòng thí nghiệm, bệ bếp, v.v.
- Làm keo dán gạch chống axít (thuộc loại R2T theo tiêu chuẩn EN 12004).
- Ốp lát đá marble ở bậc cửa và ở bậu cửa sổ.
- Ốp lát gạch nhựa được gia cường bằng lưới sợi thủy tinh ở bể bơi.
- Ốp lát các loại gạch đặc biệt khác.

## ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

**Kerapoxy** là sản phẩm gốc nhựa epoxy, hai thành phần, gồm cát thạch anh và các thành phần đặc biệt với khả chống axít và rất dễ làm vệ sinh.
Sản phẩm có lượng phát thải hợp chất hữu cơ dễ bay hơi rất thấp và được GEV phân loại Emicode EC1 Plus khi sử dụng để chà ron.

- Có độ bền tốt do có cường độ cơ học và khả năng chống axít cao.
- Bề mặt hoàn thiện đẹp, độ thấm nước thấp, do vậy dễ dàng lau chùi và đảm bảo vệ sinh.
- Dễ thi công và hoàn thiện.
- Cứng chắc và có khả năng chịu lưu thông mạnh.
- Không bị co ngót, do vậy không bị nứt gãy.
- Có màu sắc đồng nhất, có khả năng chống lại tia cực tím và các tác nhân khác từ môi trường.
- Có độ bám dính tốt.



*Phòng chứa ắc quy được chà ron bằng Kerapoxy*



*Ron mạch sỏi trang trí*



*Sàn ở nhà máy rượu được chà ron bằng Kerapoxy*

## KHUYẾN CÁO

- **Kerapoxy** có thể dùng để chà ron cho gạch mosaic thủy tinh.
- Khi chà ron cho sàn gạch ceramic và tường chịu tác động của axít oleic (ví dụ như ở nhà máy sản xuất xúc xích và dăm bông, nhà máy dầu, v.v) và hydrocacbon thơm, nên sử dụng **Kerapoxy IEG** (có sẵn màu 113 hoặc 130 - tham khảo bảng màu của MAPEI).
- Khi chà ron cho các khe co giãn hoặc các khe chịu lưu thông, nên sử dụng keo trám khe co giãn của MAPEI (như **Mapesil AC**, **Mapesil LM**, **Mapeflex PU45 FT** hoặc **Mapeflex PU21**).
- **Kerapoxy** sẽ không có độ bám dính tốt nếu các cạnh của gạch ốp lát bị ẩm ướt hoặc bị dính xi măng, bụi bẩn, dầu, mỡ, v.v.
- Gạch không tráng men nên được chà ron bằng **Kerapoxy** có cùng tông màu. Những màu khác nên được sử dụng với gạch được tráng men.
- Không được sử dụng **Kerapoxy** để chà ron cho gạch terracotta vì sẽ rất khó làm vệ sinh.
- Cần làm thí nghiệm trước khi chà ron cho gạch porcelain có màu sắc tương phản với màu của **Kerapoxy** (như màu đen, màu trắng).
- Cần làm thí nghiệm trước khi chà ron cho các nguyên liệu đá hoặc gạch porcelain có bề mặt thô ráp hoặc xốp rỗng.
- Không được pha loãng **Kerapoxy** với nước hoặc bất kỳ loại dung môi nào.
- Nên sử dụng sản phẩm ở nhiệt độ từ +12°C đến +30°C.
- Tỷ lệ trộn sản phẩm đã được định lượng chính xác, không trộn sản phẩm theo từng phần vì có thể làm sai tỷ lệ trộn và ảnh hưởng đến quá trình đóng rắn của sản phẩm.
- Sử dụng máy sấy công nghiệp để làm sạch vết **Kerapoxy** đã khô dính ở mạch ron. Làm sạch vết **Kerapoxy** dính trên gạch bằng **Pulicol 2000**.
- Khi chà ron trên sàn có diện tích lớn, nên dùng sản phẩm **Kerapoxy Easy Design**, do sản phẩm này rất dễ thi công và vệ sinh.

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### Chuẩn bị mạch ron

Các mạch ron phải khô ráo, sạch sẽ, không dính bụi bẩn và phải có độ rỗng ít nhất là ⅔ chiều dày của viên gạch. Cần loại bỏ phần keo và vữa dư khi vẫn còn ướt.
Trước khi chà ron, cần đảm bảo rằng keo dán gạch hoặc vữa đã đóng rắn và khô ráo hoàn toàn.
**Kerapoxy** không bị ảnh hưởng bởi độ ẩm của bề mặt cần thi công; các mạch ron không cần được làm ẩm trong quá trình thi công.

### Trộn keo

Cho chất làm cứng (thành phần B) vào thùng đã chứa thành phần A và trộn đều cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất. Để đạt được kết quả tốt và tránh tạo nhiệt có thể giảm thời gian công tác của keo, nên sử dụng máy trộn bằng điện có tốc độ chậm. Nên dùng keo trong vòng 45 phút sau khi trộn.

### Chà ron

Dùng bàn xoa cao su thích hợp (ví dụ loại bàn xoa của MAPEI) để miết đầy keo vào mạch. Sau đó, dùng cạnh của bàn xoa để loại bỏ phần keo dư.

### Hoàn thiện

Sau khi chà ron bằng **Kerapoxy**, cần làm sạch sàn và tường ngay khi keo còn ướt.
Làm ướt bề mặt thật kỹ và vệ sinh bằng dụng cụ thích hợp để làm sạch các mạch ron (chẳng hạn như miếng Scotch-Brite® hoặc bộ làm sạch mạch ron gạch của MAPEI), cần chú ý không làm trôi keo tại mạch ron. Khi làm vệ sinh cho tường, miếng Scotch-Brite® cần được nhúng hoàn toàn trong nước. Phần keo lỏng còn dính lại có thể làm sạch bằng miếng bọt biển cellulose khô (như miếng bọt biển của MAPEI), và nên thay ngay bằng miếng khác nếu miếng cũ đã dính quá nhiều keo. Sử dụng cùng loại miếng bọt biển để hoàn thiện.
Cần chú ý, khi công tác hoàn thiện được hoàn tất, không được để lại bất kỳ vết **Kerapoxy** nào trên gạch vì sẽ rất khó làm sạch. Do vậy, cần phải giặt sạch giẻ bằng nước sạch liên tục trong suốt quá trình vệ sinh để làm sạch hoàn toàn vết keo bám.
Khi hoàn thiện cho bề mặt có diện tích lớn, nên dùng bàn xoa điện có đĩa điệm xoay với miếng mài mòn Scotch-Brite® phía dưới đã được bão hòa với nước.
Dùng thanh gạt bằng cao su loại bỏ lượng nước thừa trên bề mặt. Lần hoàn thiện cuối cùng phải sử dụng sản phẩm **UltraCare Kerapoxy Cleaner** (dung dịch vệ sinh chuyên dụng dành cho keo gốc epoxy).
**UltraCare Kerapoxy Cleaner** có thể được sử dụng ngay sau khi chà ron và sau khi hoàn thành công tác ốp lát.
Nếu việc vệ sinh được thực hiện vài giờ sau khi chà ron thì có thể cần thời gian lâu hơn để sản phẩm có tác dụng (ít nhất 15-20 phút) hoặc có thể phải lặp lại chu trình vệ sinh.
Hiệu quả của **UltraCare Kerapoxy Cleaner** phụ thuộc vào lượng keo còn sót lại và khoảng thời gian đã trôi qua kể từ khi thi công chà ron.
Đối với các vết keo đã khô trên bề mặt theo thời gian hoặc nếu vết cặn vẫn tồn tại thì hãy sử dụng **UltraCare Epoxy Off Gel**, chất tẩy rửa có độ nhớt cao đặc biệt để loại bỏ cặn epoxy.
Để sử dụng các sản phẩm thuộc dòng **UltraCare**, vui lòng tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật sản phẩm.



*Hoàn thiện tường gạch nung 1 lần bằng miếng Scotch-Brite®*



*Hoàn thiện tường gạch nung 1 lần bằng miếng bọt biển*



*Hoàn thiện sàn gạch porcelain bằng bàn xoa điện hoặc bằng cào cao su*

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG NHƯ KEO DÁN GẠCH

Sau khi trộn 2 thành phần keo vào với nhau như đã mô tả ở trên, trải keo bằng bay răng cưa. Thi công vật liệu cần ốp lên bề mặt, ấn một lực nhẹ để đảm bảo độ bám dính tuyệt đối giữa gạch với keo. Sau khi đóng rắn, keo có khả năng bám dính tuyệt đối và có khả năng kháng hóa chất.

## THỜI GIAN CHO PHÉP LƯU THÔNG NHẸ

Ở +20°C, sàn cho phép lưu thông nhẹ sau 24 tiếng.

## THỜI GIAN CHO PHÉP SỬ DỤNG

**(với điều kiện bảo dưỡng ở +23°C và 50% R.H.)**
4 ngày. Sau 10 ngày, các bề mặt có khả năng kháng hóa chất. Bể bơi và bể chứa nước có thể cho nước vào sau 10 ngày. Thời gian có thể thay đổi tùy theo nhiệt độ.

## VỆ SINH

Các dụng cụ thi công và thùng chứa sản phẩm cần được làm vệ sinh bằng nước sạch trước khi sản phẩm đóng rắn. Khi sản phẩm đóng rắn chỉ có thể làm sạch bằng phương pháp cơ học hoặc bằng **Pulicol 2000**.

## LƯỢNG DÙNG

Lượng dùng của **Kerapoxy** tùy thuộc vào độ rộng của mạch cần ron, kích thước và chiều dày của viên gạch. Tham khảo bảng lượng dùng mẫu (kg/$m^2$).
Khi **Kerapoxy** được dùng như keo dán gạch, lượng dùng là: 2-4 kg/$m^2$.

## ĐÓNG GÓI

**Kerapoxy** được cung cấp với tỷ lệ pha trộn được đo lường cẩn thận, trong các thùng chứa thành phần A và chai chứa thành phần B để trộn khi sử dụng sản phẩm.
Tổng trọng lượng của bộ sản phẩm là 2 kg, 5 kg và 10 kg.

## MÀU SẮC

Sản phẩm hiện có 17 màu theo bảng màu của MAPEI.

## BẢO QUẢN

**Kerapoxy** có thể bảo quản 24 tháng trong bao bì còn nguyên, nơi khô thoáng.
Bảo quản thành phần A ở nhiệt độ ít nhất là +10°C để tránh hiện tượng kết tinh. Tuy nhiên, sản phẩm trở lại bình thường khi được làm ấm.

## HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHUẨN BỊ VÀ THI CÔNG SẢN PHẨM

Để biết đầy đủ về thông tin an toàn của sản phẩm, vui lòng tham khảo Bản Dữ Liệu An Toàn mới nhất.

SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT (các giá trị tiêu biểu)

**Phù hợp với tiêu chuẩn:**
**– Châu Âu EN 12004 loại R2T**
**– ISO 13007 loại R2T**
**– Châu Âu EN 13888 loại RG**
**– ISO 13007-3 loại RG**

**ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM**

| | Thành phần A | Thành phần B |
|---|---|---|
| **Dạng sản phẩm:** | Dẻo | Lỏng sệt |
| **Màu sắc:** | 17 màu | |

| | | |
|---|---|---|
| **Tỷ trọng (g/cm³):** | 1,64 | 0,97 |
| **Hàm lượng chất rắn khô (%):** | 100 | 100 |
| **Độ nhớt Brookfield (mPa.s):** | 3500000 | 900 |
| **EMICODE:** | EC1 Plus - Phát thải rất thấp | |

## THÀNH PHẦN VÀ ĐẶC TÍNH CỦA HỖN HỢP KEO (ở +23°C - 50% R.H.)

| | |
|---|---|
| **Tỷ lệ trộn:** | Thành phần A : Thành phần B = 9 : 1 |
| **Dạng hỗn hợp:** | Sệt |
| **Tỷ trọng của hỗn hợp sau khi trộn (kg/m³):** | 1550 |
| **Thời gian sử dụng keo sau khi trộn:** | 45 phút |
| **Nhiệt độ thi công:** | Từ +12°C đến +30°C |
| **Thời gian mở (dùng như keo dán gạch):** | 30 phút |
| **Thời gian cho phép điều chỉnh (dùng như keo dán gạch):** | 60 phút |
| **Thời gian cho phép lưu thông nhẹ:** | 24 tiếng |
| **Thời gian cho phép sử dụng:** | 4 ngày (10 ngày đối với bể nước và bể bơi).<br>Thời gian có thể thay đổi tùy theo nhiệt độ. |

## THÔNG SỐ THI CÔNG CUỐI CÙNG

| | |
|---|---|
| **Cường độ bám dính khi cắt theo EN 12003 (N/mm²):** | |
| **– điều kiện chuẩn:** | ~ 25 |
| **– sau khi ngâm nước:** | ~ 23 |
| **– sau khi sốc nhiệt:** | ~ 25 |
| **Cường độ uốn (EN 12808-3) (N/mm²):** | ~ 31 |
| **Cường độ nén (EN 12808-3) (N/mm²):** | ~ 55 |
| **Khả năng chống mài mòn (EN 12808-2):** | ~ 147 (độ mài mòn tính theo mm³) |
| **Độ hút nước (EN 12808-5) (g):** | 0,05 |
| **Khả năng kháng ẩm:** | Rất tốt |
| **Khả năng chống lão hóa:** | Rất tốt |
| **Khả năng kháng dung môi và dầu:** | Rất tốt (xem bảng) |
| **Khả năng kháng axít và kiềm:** | Rất tốt (xem bảng) |
| **Nhiệt độ sử dụng:** | Từ -20°C đến +100°C |

BẢNG LƯỢNG DÙNG TÙY THUỘC VÀO KÍCH CỠ CỦA GẠCH VÀ ĐỘ RỘNG CỦA MẠCH RON (kg/m²)

| Kích thước gạch (mm) | Chiều rộng mạch ron (mm) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3 | 5 | 8 | 10 |
| 75x150x6 | 0.6 | 1.0 | 1.5 | 1.9 |
| 100x100x7 | 0.7 | 1.1 | 1.8 | 2.2 |
| 100x100x9 | 0.9 | 1.4 | 2.3 | 2.9 |
| 150x150x6 | 0.4 | 0.6 | 1.0 | 1.3 |
| 200x200x7 | 0.3 | 0.6 | 0.9 | 1.1 |
| 200x200x9 | 0.4 | 0.7 | 1.2 | 1.4 |
| 300x300x10 | 0.3 | 0.5 | 0.9 | 1.1 |
| 300x300x20 | 0.6 | 1.1 | 1.7 | 2.1 |
| 300x600x10 | 0.2 | 0.4 | 0.6 | 0.8 |
| 400x400x10 | 0.2 | 0.4 | 0.6 | 0.8 |
| 500x500x10 | 0.2 | 0.3 | 0.5 | 0.6 |
| 600x600x10 | 0.2 | 0.3 | 0.4 | 0.5 |
| 750x750x10 | 0.1 | 0.2 | 0.3 | 0.4 |
| 100x600x9 | 0.5 | 0.8 | 1.3 | 1.7 |
| 150x600x9 | 0.4 | 0.6 | 1.0 | 1.2 |
| 150x900x9 | 0.3 | 0.6 | 0.9 | 1.1 |
| 150x1200x10 | 0.4 | 0.6 | 1.0 | 1.2 |
| 225x450x9 | 0.3 | 0.5 | 0.8 | 1.0 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 225x900x9 | 0.2 | 0.4 | 0.6 | 0.8 |
| 250x900x9 | 0.2 | 0.4 | 0.6 | 0.7 |
| 250x1200x10 | 0.2 | 0.4 | 0.6 | 0.8 |
| 600x600x5 | 0.1 | 0.1 | 0.2 | 0.3 |
| 600x600x3 | | 0.1 | 0.1 | 0.2 |
| 1000x500x5 | 0.1 | 0.1 | 0.2 | 0.2 |
| 1000x500x3 | | 0.1 | 0.1 | 0.1 |
| 1000x1000x5 | | 0.1 | 0.1 | 0.2 |
| 1000x1000x3 | | | 0.1 | 0.1 |
| 3000x1000x5 | | 0.1 | 0.1 | 0.1 |
| 3000x1000x3 | | | 0.1 | 0.1 |

**CÔNG THỨC TÍNH TOÁN:**

$$\frac{(A + B)}{(A \times B)} \times C \times D \times 1.6 = \frac{kg}{m^2}$$

**A** = chiều dài của viên gạch (mm)
**B** = chiều rộng của viên gạch (mm)
**C** = độ dày của viên gạch (mm)
**D** = chiều rộng mạch ron (mm)

*Đối với các kích thước không được nêu trong bảng, trang web www.mapei.com có sẵn một công cụ để ước tính lượng dụng theo kích thước của gạch và chiều rộng của các mạch ron.*

**KHẢ NĂNG KHÁNG HÓA CHẤT CỦA MẠCH RON ĐƯỢC THI CÔNG BẰNG KERAPOXY***

| SẢN PHẨM | | | | SỬ DỤNG | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | SÀN CÔNG NGHIỆP | |
| Nhóm | Tên | Nồng độ % | Bàn làm việc trong phòng thí nghiệm | Thường xuyên | Thỉnh thoảng |
| | | | | Sử dụng (+20°C) | Sử dụng (+20°C) |
| Axit | Acetic acid | 2.5 | + | + | + |
| | | 5 | + | (+) | + |
| | | 10 | – | – | – |
| | Hydrochloric acid | 37 | + | + | + |
| | Chromic acid | 20 | – | – | – |
| | Citric acid | 10 | + | (+) | + |
| | Formic acid | 2.5 | + | + | + |
| | | 10 | – | – | – |
| | Lactic acid | 2.5 | + | + | + |
| | | 5 | + | (+) | + |
| | | 10 | (+) | – | (+) |
| | Nitric acid | 25 | + | (+) | + |
| | | 50 | – | – | – |
| | Pure oleic acid | | – | – | – |
| | Phosphoric acid | 50 | + | + | + |
| | | 75 | (+) | – | (+) |
| | Sulphuric acid | 1.5 | + | + | + |
| | | 50 | + | (+) | + |
| | | 96 | – | – | – |
| | Tannic acid | 10 | + | + | + |
| | Tartaric acid | 10 | + | + | + |
| | Oxalic acid | 10 | + | + | + |
| Kiềm | Ammonia in solution | 25 | + | + | + |
| | Caustic soda | 50 | + | + | + |
| | Sodium hypochlorite in solution: active chlorine active chlorine | 6.4 g/l | + | (+) | + |
| | | 162 g/l | – | – | – |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Potassium permanganate | 5 | + | (+) | + |
| | | 10 | (+) | – | (+) |
| | Potassium hydroxide | 50 | + | + | + |
| | Sodium bisulphite | 10 | + | + | + |
| Dung dịch bão hòa ở +20°C | Sodium hyposulphite | | + | + | + |
| | Calcium chloride | | + | + | + |
| | Ferric chloride | | + | + | + |
| | Sodium chloride | | + | + | + |
| | Sodium chromate | | + | + | + |
| | Sugar | | + | + | + |
| | Aluminium sulphate | | + | + | + |
| Dầu và các loại nhiên liệu | Petrol, fuels | | + | (+) | + |
| | Turpentine | | + | + | + |
| | Diesel fuel | | + | + | + |
| | Tar oil | | + | (+) | (+) |
| | Olive oil | | (+) | (+) | + |
| | Light fuel oil | | + | + | + |
| | Petrol | | + | + | + |
| Dung môi | Acetone | | – | – | – |
| | Ethylene glycol | | + | + | + |
| | Glycerine | | + | + | + |
| | Methylene glycol acetate | | – | – | – |
| | Perchloroethylene | | – | – | – |
| | Carbon tetrachloride | | (+) | – | (+) |
| | Ethyl alcohol | | + | (+) | + |
| | Trichloroethylene | | – | – | – |
| | Chloroform | | – | – | – |
| | Methylene chloride | | – | – | – |
| | Tetrahydrofurane | | – | – | – |
| | Toluene | | – | – | – |
| | Carbon sulphide | | (+) | – | (+) |
| | White spirit | | + | + | + |
| | Benzene | | – | – | – |
| | Trichloroethane | | – | – | – |
| | Xylene | | – | – | – |
| | Mercuric chloride ($HgCl_2$) | 5 | + | + | + |
| | Hydrogen peroxide | 1 | + | + | + |
| | | 10 | + | + | + |
| | | 25 | + | (+) | + |

Ghi chú: + Chống chịu rất tốt (+) Chống chịu tốt - Chống chịu kém

**** Được đánh giá theo tiêu chuẩn EN 12808-1***

| BẢNG MÀU SẢN PHẨM KERAPOXY | | |
|---|---|---|
| **100** | WHITE | |
| **111** | SILVER GREY | |
| **112** | MEDIUM GREY | |
| **113** | CEMENT GREY | |
| **114** | ANTHRACITE | |
| **110** | MANHATTAN 2000 | |

| | | |
|---|---|---|
| 172 | SPACE BLUE | |
| 130 | JASMINE | |
| 131 | VANILLA | |
| 132 | BEIGE 2000 | |
| 141 | CARAMEL | |
| 142 | BROWN | |
| 144 | CHOCOLATE | |
| 145 | TERRA DI SIENA | |
| 143 | TERRACOTTA | |
| 120 | BLACK | |
| 150 | YELLOW | |

*CHÚ Ý: Vì các nguyên nhân khách quan trong quá trình in ấn, màu sắc ở đây có thể khác biệt so với màu sắc thực tế của sản phẩm*

## CHÚ Ý

*Mặc dù thông số kỹ thuật và hướng dẫn thi công trong tài liệu này được đúc kết từ kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, nhưng trong mọi trường hợp, các thông tin này cần được kiểm chứng lâu dài trong thi công thực tế. Vì vậy, trước khi sử dụng cần phải đảm bảo sản phẩm phù hợp với hạng mục thi công đã định. Trong bất kỳ trường hợp nào, người sử dụng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thi công sản phẩm.*
**Vui lòng tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật bản mới nhất tại trang web của chúng tôi www.mapei.com.vn.**

## LƯU Ý PHÁP LÝ

***Nội dung của Tài Liệu Kỹ Thuật (TDS) này có thể được sao chép vào các tài liệu khác liên quan đến dự án nhưng không được quyền bổ sung hoặc thay thế bất kỳ điều khoản yêu cầu nào so với bản gốc có hiệu lực tại thời điểm thi công sản phẩm của MAPEI.***
***Để cập nhật phiên bản mới nhất cũng như những thông tin liên quan đến việc bảo hành sản phẩm, vui lòng truy cập website www.mapei.com.vn.***
***BẤT KỲ THAY ĐỔI NÀO VỀ TỪ NGỮ HOẶC YÊU CẦU TRONG/ HOẶC XUẤT PHÁT TỪ TÀI LIỆU KỸ THUẬT NÀY SẼ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA SẢN PHẨM TỪ CÔNG TY MAPEI.***

*Phiên bản tiếng Việt được dịch lại dựa trên phiên bản tiếng Anh 141-8-2021-gb.*

**Mapei Vietnam Ltd**

EN: Plot 8, Street No.4, Chu Lai Industrial Zone, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province
VNM: Lô 8, Đường số 4, KCN Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

+84 235 3565 801-7 www.mapei.com.vn marketing@mapei.com.vn

**141-5-2024 vn (VN)**

Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép bất hợp pháp nội dung và hình ảnh trong tài liệu này